

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

Học kỳ 2 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Thực tập doanh nghiệp 1 (TMĐT) - MH1104263

Mã lớp học phần: 25211MH110426301 Số tín chỉ: 5

Giảng viên giảng dạy: Phạm Hữu Phước - (04149)

Ngày thi: \_\_\_\_\_ Giờ thi: \_\_\_\_\_ Phòng thi: \_\_\_\_\_

Giám thị 1: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 2: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 3: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

Giám thị 4: \_\_\_\_\_ Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên          | Ngày sinh  | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Mã lớp | Ghi chú |
|-----|------------|--------------------|------------|--------|-------|---------|----------|--------|---------|
| 1   | 2410160021 | Nguyễn Phan Mỹ Anh | 19/01/2006 |        |       | 8.0     | Tam      | C26TM1 |         |
| 2   | 2410160013 | Huỳnh Lê Ngọc Tâm  | 11/05/2006 |        |       | 9.0     | Chín     | C26TM1 |         |
| 3   | 2410160028 | Huỳnh Ngọc Khải    | 17/07/2006 |        |       | 7.5     | Bảy năm  | C26TM1 |         |
| 4   | 2410160010 | Phạm Thị Lệ        | 18/03/2006 |        |       | 7.0     | Bảy      | C26TM1 |         |
| 5   | 2410160011 | Phạm Văn           | 17/05/2000 |        |       | 7.0     | Bảy      | C26TM1 |         |
| 6   | 2410160012 | Nguyễn Minh        | 07/09/2006 |        |       | 6.0     | Sáu      | C26TM1 |         |
| 7   | 2410160004 | Phan Nhật          | 10/7/2004  |        |       | 7.0     | Bảy      | C26TM1 |         |
| 8   | 2410160022 | Lê Ngọc            | 30/01/2006 |        |       | 8.0     | Tám      | C26TM1 |         |
| 9   | 2410160016 | Đào Thị Ngọc       | 28/12/2006 |        |       | 8.0     | Tám      | C26TM1 |         |
| 10  | 2410160019 | Dương Hiếu         | 04/04/2000 |        |       | 8.0     | Tám      | C26TM1 |         |
| 11  | 2410160015 | Phạm Trần Thảo     | 16/02/2006 |        |       | 8.0     | Tám      | C26TM1 |         |
| 12  | 2410160002 | Nguyễn Gia Ái      | 20/02/2006 |        |       | 8.5     | Tám năm  | C26TM1 |         |
| 13  | 2410160020 | Đào Thị Hồng       | 23/08/2006 |        |       | 7.5     | Bảy năm  | C26TM1 |         |
| 14  | 2410160003 | Tổng Đức           | 25/11/2002 |        |       | 8.0     | Tám      | C26TM1 |         |
| 15  | 2410160001 | Trần Lâm           | 11/11/2005 |        |       | 7.0     | Bảy      | C26TM1 |         |
| 16  | 2410160005 | Trần Huỳnh         | 26/10/2005 |        |       | 6.0     | Sáu      | C26TM1 |         |
| 17  | 2410160008 | Huỳnh Thị Thoại    | 30/11/2006 |        |       | 7.0     | Bảy      | C26TM1 |         |
| 18  | 2410160023 | Nguyễn Như         | 11/11/2006 |        |       | 9.0     | Chín     | C26TM1 |         |
| 19  | 2410100014 | Nguyễn Lê Băng     | 20/04/2006 |        |       | 8.5     | Tám năm  | C26TM1 |         |
| 20  | 2410160007 | Lâm Trung          | 10/07/1994 |        |       | 9.0     | Chín     | C26TM1 |         |
| 21  | 2410130007 | Nguyễn Hoàng Diễm  | 06/11/2006 |        |       | 8.0     | Tám      | C26TM1 |         |
| 22  | 2410160014 | Trương Thảo        | 26/04/2006 |        |       | 7.5     | Bảy năm  | C26TM1 |         |
| 23  | 2410160025 | Nguyễn Trần Hải    | 25/02/2006 |        |       | 8.0     | Tám      | C26TM1 |         |

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 23 / 23.

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / 0

Tỷ lệ đạt: 100%

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Hữu Phước